

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở ĐỊA PHƯƠNG - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN HẢI BÀNG*

1. Bước phát triển của khoa học và công nghệ ở địa phương.

Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) ở địa phương luôn được đặt ra cùng với quá trình phát triển của nền KH&CN nước nhà. Với những thành tựu vượt bậc trong thời kì đổi mới, KH&CN đã tạo nên những bước tiến lớn trên tất cả các lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi - thú y, thủy sản, y tế, bảo vệ môi trường, xây dựng..., góp phần làm thay đổi bộ mặt của kinh tế địa phương; ngày càng khẳng định vai trò quan trọng đối với công cuộc CNH, HĐH đất nước.

Trong Quyết định số 419/TTg ngày 21-7-1995 của Thủ tướng Chính phủ, lần đầu tiên đã khẳng định: hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu KH&CN, đầu tư cho phát triển KH&CN là nhiệm vụ của các cơ quan KH&CN, của các cấp, các ngành ở trung ương và địa phương, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội và tư nhân; đồng thời, cho phép tuyển chọn các đơn vị và các nhà khoa học thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN theo hợp đồng đặt hàng. Có thể nói, chính cơ chế, chính sách này đã rộng đường cho các nhà khoa học, các tổ chức KH&CN, nhất là các tổ chức KH&CN trung ương tham gia giải quyết những nhu cầu KH&CN đặt ra tại địa phương.

Những năm qua, hoạt động KH&CN ở địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Phần lớn các địa phương đều chú

trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành như *Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Tiêu chuẩn - Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá...* Trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước ban hành, từng địa phương đã cụ thể hóa và ban hành các quy định phù hợp, tạo cơ sở và hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển hoạt động KH&CN trên địa bàn. Nhiều địa phương chủ động tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố xây dựng và ban hành quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch KH&CN trên địa bàn. Công tác quản lý nhà nước về KH&CN như tiêu chuẩn đo lường chất lượng; thanh tra, quản lý công nghệ; sở hữu trí tuệ và an toàn bức xạ hạt nhân; hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật... được quan tâm thực hiện và hoàn thành tốt. Quy trình đề xuất, xác định nhiệm vụ, tuyển chọn và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN từng bước được đổi mới theo hướng cải cách hành chính. Chỉ tính riêng trong 2 năm (2008-2009), các tỉnh miền núi phía Bắc đã tổ chức thực hiện 42 dự án KH&CN cấp nhà nước, 461 đề tài/dự án KH&CN cấp tỉnh, trên 1.000 đề tài/dự án/mô hình KH&CN cấp cơ sở. Ngân sách sự nghiệp cho KH&CN của các tỉnh miền núi phía Bắc trong năm 2008 và 2009 là 253 tỉ đồng, mức tăng trung bình

* Bộ Khoa học và Công nghệ.

10%/năm.

Theo thống kê, ở các địa phương trên cả nước hiện có 4.140 cán bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN. Mỗi năm, khoảng 45% kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các tỉnh, thành phố được giao cho các tổ chức KH&CN trung ương (các viện, trường đại học) thông qua việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng đầu tư hàng trăm nhiệm vụ KH&CN trọng điểm cấp nhà nước tập trung vào giải quyết những vấn đề KH&CN có tính quốc gia, liên vùng, vùng...

Qua một thời gian xây dựng và phát triển, đến nay, bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN ở 63 tỉnh, thành phố đã từng bước được kiện toàn vững chắc. Bộ máy của các đơn vị: văn phòng, thanh tra, phòng quản lý khoa học, phòng quản lý công nghệ và sở hữu trí tuệ; hệ thống các trung tâm ứng dụng KH&CN, trung tâm thông tin KH&CN, chi cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng cũng như các tổ chức KH&CN khác tại địa phương ngày càng được củng cố, đáp ứng nhu cầu của phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Với việc thực hiện khoảng 1.300 nhiệm vụ KH&CN; trong đó, có các nhiệm vụ chính như phát triển tiềm lực KH&CN; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng..., hoạt động KH&CN ở địa phương đã góp phần to lớn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nước ta. Cụ thể:

Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Các kết quả nghiên cứu ở nhiều địa phương đã đóng góp quan trọng trong việc cung cấp luận cứ khoa học để lựa chọn mô hình và bước đi của quá trình CNH, HĐH đất nước. Các kết quả nghiên cứu về con người và nguồn nhân lực trong thời kỳ CNH, HĐH được nhiều ngành, địa phương vận dụng trong xây dựng chiến lược đào tạo, chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm; giải quyết các vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn; phát triển kinh tế

trung trại; sở hữu ruộng đất trong cơ chế thị trường; các giải pháp khắc phục phân hóa xã hội; chính sách dân tộc, tôn giáo; chính sách cán bộ; bảo vệ an ninh, độc lập, chủ quyền đất nước; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc...

Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, điều tra cơ bản: Các kết quả điều tra cơ bản và nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đã phục vụ xây dựng luận cứ khoa học cho các phương án phát triển kinh tế - xã hội; tạo lập cơ sở cho việc xây dựng chiến lược sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý, lựa chọn công nghệ khai thác hiệu quả và bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng cũng hỗ trợ cho quá trình lựa chọn, tiếp thu, thích nghi và cải tiến các công nghệ tiên tiến nhập từ nước ngoài vào Việt Nam; tiến tới sáng tạo các công nghệ đặc thù của Việt Nam, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu tiên tiến, công nghệ tự động hoá, cơ - điện tử.

Trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: Đóng góp nổi bật nhất của hoạt động này là đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi; tập trung nghiên cứu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện từng vùng, từng địa phương. Một số công nghệ tiên tiến được phát triển phục vụ sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao như công nghệ mô hom nhân giống cây lâm nghiệp; sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP; tưới nước tiết kiệm cho cây trồng; nuôi gà, lợn lạnh; công nghệ di truyền tạo cá rô đơn tính... Việc ứng dụng công nghệ cao để sản xuất hàng hoá nông nghiệp được thực hiện tại nhiều doanh nghiệp ở các địa phương, tiêu biểu như Hà Nội, Hải Phòng đã xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bằng cách nhập khẩu trọn gói công nghệ của I-xra-en từ nhà màng, thiết bị bên trong đến giống và kỹ thuật canh tác

để sản xuất rau sạch và hoa tươi. Tại Đà Lạt (Lâm Đồng), Công ty HASFARM đã ứng dụng công nghệ của Hà Lan để trồng hoa hồng, cúc, đồng tiền, lily, cho hiệu quả kinh tế cao gấp 20-30 lần so với trồng hoa thông thường. Tại TP.Hồ Chí Minh đã hình thành dự án đầu tư xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao đa chức năng với quy mô gần 90 ha để nghiên cứu công nghệ, trình diễn công nghệ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi - thú y và thủy sản...

Thời gian qua, các nhà khoa học đã chọn tạo và tuyển chọn gần 170 giống lúa mới; trong đó, có nhiều giống được phát triển trên diện rộng trong sản xuất. Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, tiến bộ KH&CN trong nông nghiệp đã tạo ra giá trị gia tăng trong tăng trưởng nông nghiệp lên tới 30%. Từ năm 1995 trở lại đây, năng suất lúa tăng từ gần 30 tạ/ha tăng lên gần 50 tạ/ha, đưa Việt Nam trở thành nước có năng suất lúa cao gấp 1,5 lần Thái Lan và đứng đầu Đông Nam Á.

Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông: Hầu hết các địa phương đã đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp; đưa nhanh công nghệ thông tin và viễn thông về vùng sâu vùng xa, góp phần thu hẹp khoảng cách số, đưa những tiến bộ KH&CN đến với nông thôn, nông dân.

Hiện nay, ứng dụng công nghệ cao được triển khai mạnh nhất ở các ngành Dầu khí, Ngân hàng, Bưu chính - viễn thông, Hàng không,... mang lại lợi nhuận, giá trị gia tăng và tốc độ tăng trưởng cao. Bốn lĩnh vực công nghệ cao ưu tiên (thông tin, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa) đã được đưa vào nghiên cứu trong hệ thống các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước và các chương trình kỹ thuật - kinh tế, kết quả ứng dụng mang lại lợi nhuận hàng nghìn tỉ đồng mỗi năm. Đến nay, cả nước đã có hai khu công nghệ cao quốc gia (Hòa

Lạc và TP.Hồ Chí Minh), tám công viên phần mềm, 12 khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 17 phòng thí nghiệm trọng điểm và khoảng 100 viện nghiên cứu và 80 trường đại học, cao đẳng có các hoạt động liên quan đến công nghệ cao. Một trong những giải pháp đổi mới mạnh mẽ và mang tính đột phá trong những năm gần đây trong việc cải tổ hệ thống các tổ chức KH&CN Việt Nam là việc triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hình thành doanh nghiệp KH&CN, đánh dấu bằng sự ra đời hai văn bản quan trọng của Chính phủ: Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05-9-2005 và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19-5-2007. Giải pháp này cho phép giải phóng tối đa năng lực nghiên cứu, sáng tạo của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động KH&CN, xóa bỏ tư tưởng bao cấp của các nhà KH&CN.

Trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Hàng năm, các tỉnh, thành phố đều có hàng chục đề tài thuộc lĩnh vực y tế được ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn và đạt được một số kết quả nổi bật. Các kỹ thuật hiện đại về chẩn đoán hình ảnh được áp dụng tại các trung tâm y tế chuyên sâu Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Huế... đã góp phần phát hiện chính xác một số căn bệnh mà trước kia chưa chẩn đoán được. Nhiều kỹ thuật điều trị hiện đại được áp dụng như phẫu thuật nội soi, tán sỏi, ghép thận, ghép tuỷ, phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao (phương pháp Pha - co), các kỹ thuật vi phẫu tạo hình, công nghệ cao về nha khoa, ứng dụng công nghệ laser vào y học, ứng dụng máy gia tốc trong điều trị ung thư, thụ tinh trong ống nghiệm, xây dựng quy trình nuôi cấy nguyên bào sợi người phù hợp với điều kiện Việt Nam, ứng dụng công nghệ soi cổ tử cung để chuẩn đoán sớm ung thư cổ tử cung, chế tạo san hô Việt Nam để làm vật liệu sinh học ghép điều trị; nghiên cứu sản xuất thuốc tân dược DANAPHA-NATRE 50 hỗ trợ cai nghiện ma tuý...

Nhờ ứng dụng các kết quả nghiên cứu, trình độ y học của nước ta đã từng bước nâng lên ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Tuy nhiên, việc phát triển và ứng dụng KH&CN ở địa phương hiện nay vẫn còn tồn tại một số khó khăn. Nhận thức về vai trò và sự quan tâm của lãnh đạo một số địa phương đối với KH&CN chưa cao; sự phối hợp trong hoạt động KH&CN giữa các sở, ngành còn kém hiệu quả; cơ chế, chính sách về tài chính đối với KH&CN còn bất cập... Năng lực KH&CN và quản lý KH&CN của các địa phương, đặc biệt là ở các tỉnh miền núi còn thiếu và rất yếu. Thiếu cán bộ khoa học đầu ngành, nhà quản lý giỏi để tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo về chủ trương, chính sách và cơ chế đẩy mạnh hoạt động KH&CN. Cán bộ quản lý KH&CN ở các địa phương hầu hết mới tuyển dụng, trình độ, năng lực còn chưa cao, lại hay bị luân chuyển nên ảnh hưởng đến chất lượng quản lý; nguồn kinh phí đầu tư cho ngành khoa học còn hạn chế, nhất là kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và triển khai; cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị cho các trung tâm kiểm định, kiểm nghiệm còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý nhà nước và phục vụ xã hội.

Thiếu các nhiệm vụ KH&CN có tính đột phá và có tính liên vùng để có thể triển khai ở quy mô lớn; số lượng đề tài, dự án nhiều, nhưng quy mô nhỏ và thường chỉ giải quyết những vấn đề đơn lẻ, chuyên biệt, phục vụ chủ yếu cho một ngành, một cơ sở của địa phương nên không đủ mức độ cần thiết để tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Chưa có cơ chế hỗ trợ nhân rộng mô hình nên việc xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ, đối với từng mô hình thì có kết quả tốt, nhưng việc phổ biến, nhân rộng thì còn khá hạn chế.

Hoạt động thông tin KH&CN ở nhiều tỉnh, thành phố chưa mạnh, chưa hình thành được hệ thống trao đổi thông tin

mang tính chất vùng và mạng thông tin kết nối thông suốt từ trung ương đến địa phương, nội dung thông tin nghèo nàn. Nguyên nhân này dẫn đến tình trạng trùng lặp trong việc xác định và triển khai một số nhiệm vụ giữa trung ương với địa phương, giữa địa phương này với địa phương khác. Đặc biệt, hoạt động KH&CN cấp huyện còn rất yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu về quản lý nhà nước. Trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể về cơ cấu tổ chức và hoạt động cho cơ quan khoa học cấp huyện, nguồn kinh phí đầu tư thấp và không ổn định.

Các địa phương còn nhiều băn khoăn, lúng túng trong việc thực thi chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp KH&CN theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP.

Mức đầu tư cho KH&CN ở mỗi tỉnh quá thấp, chỉ đạt 0,5-0,7% tổng chi ngân sách. Các địa phương vẫn chủ yếu dựa vào nguồn vốn từ trung ương phân bổ xuống mà chưa thu hút từ chính nguồn đầu tư, hỗ trợ từ các nguồn tài chính khác cho hoạt động KH&CN địa phương, nhất là khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư. Mặt khác, nguồn vốn đầu tư cho KH&CN chưa được địa phương sử dụng, đầu tư có hiệu quả mà chia sẻ cho nhiều lĩnh vực khác. Hiện nay, có 370 tổ chức KH&CN tỉnh với 5.000 người chính nhiệm, còn 5.000 người kiêm nhiệm. Bình quân một trung tâm có biên chế thấp hơn các trung tâm khuyến nông - khuyến lâm từ 5-7 lần.

2. Một số giải pháp nhằm phát triển khoa học và công nghệ ở địa phương trong thời gian tới.

Để tiếp nối những thành tựu quan trọng mà KH&CN ở địa phương đã đạt được trong thời gian qua, Nhà nước cần tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý từ kinh tế đến KH&CN, có những chính sách cụ thể, phù hợp và hiệu quả, theo như tinh thần chỉ đạo của Kết luận 234-TB/TW ngày 01-4-2009 của Bộ Chính trị về báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương

2 khoá VIII về KH&CN và nhiệm vụ, giải pháp phát triển KH&CN từ nay đến năm 2020 để thúc đẩy mạnh mẽ công tác KH&CN ở địa phương. Kết hợp chặt chẽ nghiên cứu và phát triển trong nước với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, đẩy nhanh tốc độ đầu tư đổi mới công nghệ trong tất cả các ngành, tạo nhiều ngành nghề mới có hiệu quả và sức cạnh tranh cao, nhiều việc làm mới có năng suất cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm nhanh chóng nâng cao mức sống nhân dân. Phát triển các ngành công nghiệp dịch vụ dựa trên công nghệ cao, dịch chuyển nhanh cơ cấu kinh tế sang các ngành dựa nhiều vào công nghệ và tri thức. Các địa phương cần góp sức xây dựng một nền KH&CN có trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực; về cơ bản có khả năng tự chủ những công nghệ tiên tiến then chốt trong các lĩnh vực chính của nền kinh tế với chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh cao; trở thành động lực trực tiếp đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Theo đó:

Một là, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động KH&CN ở địa phương, coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm. Tiếp tục phát động đều khắp phong trào quần chúng nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng KH&CN; tăng cường công tác truyền thông, bồi dưỡng cho cán bộ nghiên cứu ý thức sáng tạo, lòng say mê và khả năng tư duy, phương pháp nghiên cứu khoa học. Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động giáo dục - đào tạo với KH&CN thông qua phát huy đầy đủ vai trò của trung tâm học tập cộng đồng ở các xã, phường, thị trấn trong việc phổ biến, cập nhật kịp thời và có hệ thống các kiến thức KH&CN, đồng thời, biến các trung tâm này thành "bà đỡ", thành "chiếc nôi" để ươm mầm cho những đề tài cải tiến kỹ thuật, những sáng chế có giá trị thực tiễn. Tiếp tục coi trọng và phát huy cơ chế liên kết "4 nhà" (nhà khoa học - nhà nông - nhà nước - nhà doanh nghiệp); trong đó, liên

kết giữa nhà nông và nhà doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm. Đây là những "cú hích" quan trọng để các tiến bộ KH&CN thâm nhập và đi vào cuộc sống một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất.

Hàng năm, các ngành chức năng và các đoàn thể cần phối hợp tổ chức các hội thi tìm hiểu kiến thức KH&CN, hội thi sáng tạo kỹ thuật nhằm khuyến khích các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia các hoạt động KH&CN. Cần nhận thức đúng đắn rằng, không phải chỉ có các nhà khoa học mới có khả năng nghiên cứu KH&CN mà ngay cả người dân bình thường vẫn giàu khả năng này và những sản phẩm do họ phát minh, sáng chế có giá trị thực tiễn cao (các sáng kiến cải tiến dụng cụ cắt cỏ thành máy gặt lúa, máy lấy bắp của nông dân Nguyễn Đức Tâm; sáng kiến di dời nhà của "thần đèn" Nguyễn Cẩm Lũy... là những minh chứng sinh động).

Hai là, từng bước hình thành thị trường KH&CN ở địa phương. Đây là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng. Để xác lập thị trường KH&CN, chính quyền, các cơ quan nhà nước địa phương cần nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hợp lý ở cả khâu "mua" và "bán" sản phẩm KH&CN: khuyến khích, thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực KH&CN; thường xuyên tổ chức hội chợ, triển lãm để giới thiệu, trao đổi các sản phẩm KH&CN mới. Tác động với ngân hàng và các tổ chức tín dụng cho vay ưu đãi hoặc giới thiệu các nguồn vốn để hỗ trợ các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư đổi mới công nghệ, trang bị, thiết bị kỹ thuật. Có kế hoạch tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức chấp hành và thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ cho cán bộ và nhân dân, nhất là trong điều kiện nước ta đã gia nhập WTO.

Ba là, tập hợp, quản lý, có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ KH&CN ở địa phương. Tùy theo tình hình
(Xem tiếp trang 55).

chưa hợp lý. Nếu nông sản của trang trại được bán ra dưới dạng thô, chưa qua chế biến thì không áp dụng thuế giá trị gia tăng, nhưng cũng với những sản phẩm này mà chủ trang trại đã chế biến thì phải chịu mức thuế giá trị gia tăng là 10%. Chính sách này không những không khuyến khích mà còn cản trở việc thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực này.

Kinh nghiệm cho thấy, phương châm cơ bản đối với việc xây dựng một chính sách phù hợp cho phát triển cơ sở hạ tầng ở nông thôn là phải huy động tối đa năng lực

của các chủ thể, đối tượng có liên quan để phục vụ yêu cầu phát triển, thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Bí quyết thành công của phương châm nói trên là tính hợp lý, công khai và dân chủ trong huy động, sử dụng các nguồn lực đóng góp của nhân dân. Tuy nhiên, việc huy động sức dân trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phải tính tới điều kiện kinh tế, sinh hoạt của nông dân, đảm bảo hợp tình, hợp lý và hợp lòng dân □

* * * * *

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ...

(Tiếp theo trang 33)

thực tế từng địa phương, có thể thành lập các chi hội chuyên ngành như chi hội khoa học nông nghiệp, chi hội khoa học công nghiệp - xây dựng, chi hội khoa học xã hội và nhân văn ... để tạo môi trường cho cán bộ KH&CN sinh hoạt, cùng trao đổi nghiệp vụ và phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Bố trí để mỗi huyện, thành phố có ít nhất một cán bộ biên chế chuyên trách làm công tác quản lý nhà nước về KH&CN; tăng cường công tác đào tạo trong và ngoài nước kiến thức về KH&CN cho cán bộ KH&CN ở địa phương; tiếp tục hỗ trợ triển khai các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi và Chương trình 68 về phát triển tài sản trí tuệ; sửa đổi một số cơ chế, chính sách về tài chính cho KH&CN; cân đối, tăng mức đầu tư kinh phí sự nghiệp KH&CN đảm bảo đạt 2% tổng chi ngân sách của địa phương...Dành tỉ lệ kinh phí thỏa đáng từ ngân sách cấp tỉnh và huyện để phục vụ cho các hoạt động KH&CN, nhất là thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học được "đặt hàng". Sớm thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển KH&CN nhằm tài trợ có thu hồi một

phần và cho vay ưu đãi, góp vốn với doanh nghiệp để ươm tạo công nghệ và sản xuất sản phẩm mới. Đồng thời, tăng phần đầu tư của các doanh nghiệp đối với lĩnh vực KH&CN. Cả nước hiện có gần 200 nghìn doanh nghiệp thuộc các thành phần, trong đó có khá nhiều tập đoàn, nhiều hãng lớn. Ở nhiều nước, tỉ lệ giữa phần vốn nhà nước và phần vốn doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN phổ biến là 1:3, hoặc 1:4, hay 1:5. Còn ở nước ta, tỉ lệ này đang được thực hiện theo hướng ngược lại: 5:1. Theo chính sách thuế hiện nay của Nhà nước, doanh nghiệp được để lại 10% thu nhập trước thuế để đầu tư cho KH&CN và được trích 50% phần thu nhập tăng thêm cho ứng dụng tiến bộ KH&CN (phần này không phải chịu thuế) để chi thưởng và chi tái đầu tư cho KH&CN. Tính ra, hằng năm, chỉ riêng các tập đoàn kinh tế lớn và mấy chục vạn doanh nghiệp vừa trở lên, đã có nguồn để chi cho KH&CN hàng chục nghìn tỉ đồng...

Nghiên cứu các hình thức tôn vinh, khen thưởng xứng đáng những cá nhân, đơn vị có thành tích trong hoạt động nghiên cứu KH&CN □